TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiếp;

Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Cao Thị B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa anh Lê Văn Đ và chị Cao Thị B vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn Lê Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2006, anh Đ và chị B có sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh Đ và chị B có một con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 11-10-2007, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau nên đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị B.

Về con chung: Yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Ph,

sinh ngày 11-10-2007, (hiện cháu Ph đang sống chung với anh Đ), không yêu cầu chị B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Văn bản ý kiến và trình bày của bị đơn Cao Thị B trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2006, chị B và anh Đ có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị B và anh Đ có một con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 11-10-2007, hiện đang sống chung với anh Đ.

Nay qua yêu cầu của anh Đ thì chị B có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Đồng ý tự nguyện giao con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 11-10-2007 cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Văn Đ và bị đơn Cao Thị B vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Đ và chị B đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh Đ và chị B không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Ủy ban nhân xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân của anh Đ và chị B là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14

của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Anh Đ và chị B có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù anh Đ và chị B thống nhất ly hôn, nhưng hôn nhân của anh Đ và chị B không hợp pháp, do đó không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị B là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị B thống nhất trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có được 01 con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 11-10-2007 (hiện cháu Ph đang sống chung với anh Đ và nguyện vọng của cháu Ph là muốn được sống chung với anh Đ theo Tờ tự khai ngày 27-11-2020 của cháu Ph). Nay ly hôn anh Đ và chị B thống nhất giao con chung cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ph mà không ai được cản trở, nên công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng, chị B không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0009452 ngày 23-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Lê Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí. Chị Cao Thị B không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn Đ và chị Cao Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Lê Văn Đ và chị Cao Thị B, anh Lê Văn Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 11-10-2007 (hiện cháu Ph đang sống chung với

anh Đ và nguyện vọng của cháu Ph là muốn được sống chung với anh Đ), chị Cao Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn Đ không yêu cầu cấp dưỡng, chị Cao Thị B không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn Đ và chị Cao Thị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0009452 ngày 23-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Lê Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Cao Thị B không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương